

SP TẬP HUẤN NHÓM 3 - THCS PHÙ LỖ - HUYỆN PHÙ NINH

1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN – LỚP 6

T T	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	1 (C1) 0,25đ								27,5 %
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên			1 (C3) 0,25đ			2 (C13c,d) 1đ			
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (C2) 0,25đ							1 (C18) 1đ	
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	2 (C4, C5) 0,5đ			3 (C13a, C14, C15a) 1,75đ		1(C13b) 0,5đ			47,5 %
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên				1(C16) 1đ	1 (C11) 0,25đ	1 (C15b) 0,75đ			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	1 (C7) 0,25đ								15%
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang	1 (C6) 0,25đ			1 (C17a) 0,5đ		1 (C17b) 0,5đ			

		cân									
4	Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên	Hình có trục đối xứng	2 (C8;C9) 0,5đ								10%
		Hình có tâm đối xứng	1 (C10) 0,25đ								
		Vai trò của đối xứng trong tự nhiên	1 (C12) 0,25đ								
Tổng											
Tỉ lệ %			25 %		35%		30%		10%		100%
Tỉ lệ chung			60%				40%			100%	

Ghi chú:

- Cột 2 và cột 3 ghi tên chủ đề như trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán 2018, gồm các chủ đề đã dạy theo kế hoạch giáo dục tính đến thời điểm kiểm tra.

- Cột 12 ghi tổng % số điểm của mỗi chủ đề.

- Đề kiểm tra cuối học kì dành khoảng **10% -30%** số điểm để kiểm tra, đánh giá phần nội dung **thuộc nửa đầu của học kì đó.**

- Tỉ lệ % số điểm của các chủ đề nên tương ứng với tỉ lệ thời lượng dạy học của các chủ đề đó.

- Tỉ lệ các mức độ đánh giá: Nhận biết khoảng từ 30-40%; Thông hiểu khoảng từ 30-40%; Vận dụng khoảng từ 20-30%; Vận dụng cao khoảng 10%.

- Tỉ lệ điểm TNKQ khoảng 30%, TL khoảng 70%.

- Số câu hỏi TNKQ khoảng **12-15** câu, mỗi câu khoảng 0,2 - 0,25 điểm; TL khoảng 7-9 câu, mỗi câu khoảng 0,5 - 1,0 điểm.

2. BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN - LỚP 6

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên <i>Nhận biết:</i> - Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. <i>Thông hiểu:</i> Tính toán theo thứ tự và tìm x. Ứng dụng thực tế của phép cộng, trừ số nguyên	1 (C1) TN				
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên <i>Vận dụng:</i> - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng		1 (C3) TN 1	1 (C13c,d) TL		
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung <i>Nhận biết :</i> - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.	1(C2) TN				
		<i>Vận dụng cao:</i> - Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>)				1 (C18) TL	
2	Số	Số nguyên âm	<i>Thông hiểu:</i>	1 (C5)	2		

	nguyên	và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Tính toán theo thứ tự trong tập hợp số nguyên - Biểu diễn được số nguyên trên trục số. - So sánh được các số nguyên cho trước 	TN	(C13a, C15a, C14) TL		
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết : - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.	1 (C4) TN			
			Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính <u>đơn giản</u> về số nguyên. Vận dụng: Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). 		1 (C16) TL	1 (C13b, C11) TN	
3	Các hình phẳng	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. 	1 (C7) TN			

	trong thực tiễn	Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. 	1 (C6) TN		1 (C17) TL	
4	Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên	Hình có trục đối xứng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). 	2 (C8; C9) TN			
		Hình có tâm đối xứng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). 	1 (C10) TN			
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm 	1 (C12) TN			

			đối xứng hoặc có trục đối xứng).				
--	--	--	----------------------------------	--	--	--	--

Lưu ý:

- Với câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.

3. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: TOÁN – Lớp 6

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau.

Câu 1(NB). Tập hợp A các số tự nhiên nhỏ hơn 8 được viết là:

- A. $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 8\}$. B. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 8\}$.
 C. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 8\}$. D. $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \geq 8\}$.

Câu 2(NB). Cách phân tích ra thừa số nguyên tố nào sau đây là đúng?

- A. $300 = 2^2 \cdot 3 \cdot 25$. B. $300 = 3 \cdot 4 \cdot 5^2$. C. $300 = 2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 10$. D. $300 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5^2$.

Câu 3(TH). Kết quả của phép tính $12 \cdot 25 + 12 \cdot 75$ bằng

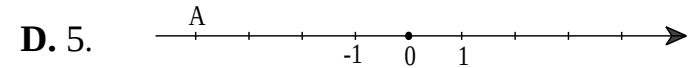
- A. 100 B. 1200 C. 75 D. 12

Câu 4 (NB): Tập hợp các ước của 9 là:

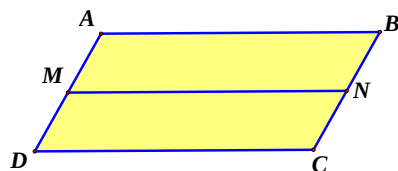
- A. 3; - 3; 9; - 9 B. 1; - 1; 3; - 3 C. 1; 3; 9 D. 1; - 1; 3; - 3; 9; - 9

Câu 5 (NB): Điểm A trong hình bên biểu diễn số nguyên nào dưới đây?

- A. -5. B. -4. C. 4.



Câu 6(NB). Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu hình bình hành?

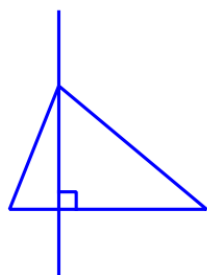


- A. 2 B. 3 C. 1 D. 4.

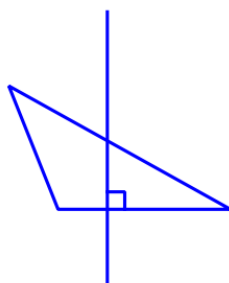
Câu 7(NB). Mỗi góc của hình lục giác đều bằng

- A. 45° . B. 60° . C. 90° . D. 120° .

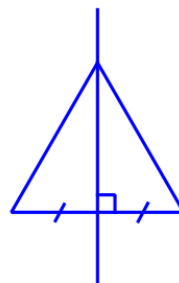
Câu 8(NB): Trong các hình sau , hình nào nhận đường thẳng d làm trục đối xứng ?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A. Hình 1 B. Hình 3 C. Hình 1 và 2 D. Hình 2

Câu 9(NB): Trong các hình dưới đây, có bao nhiêu hình có trục đối xứng



A. 1 biến báo.

B. 3 biến báo.

C. 2 biến báo.

D. 4 biến báo

Câu 10(NB). Trong các hình sau đây, hình nào ***không*** có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 1, hình 2.

D. Hình 3

Câu 11(VD): Kết quả đúng của phép tính $5^3 : 5 + 2 - 3^3 \cdot 3^0$ là

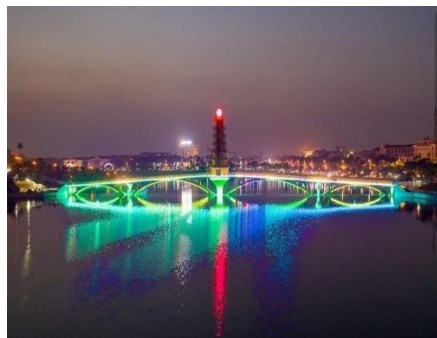
A. 0.

B. 5.

C. 2.

D. 3.

Câu 12 (NB): Trong các hình sau hình nào ***Không*** có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 13 (2,0 điểm) Thực hiện phép tính

a) $(-23) + 15 + 23 + (-25)$

b) $5.3^2 - 7.2^3$

c) $2021 - [21 + (15 - 5)^2]$

d) $58.75 + 58.50 - 58.25$

Câu 14 (0,5 điểm). Cho nhiệt độ của các hành tinh trong hình vẽ sau:



Sao Hải Vương
-218°C

Sao Thiên Vương
-224°C

Sao Thổ
-178°C

Sao Thủy
-184°C

Sắp xếp nhiệt độ của các hành tinh theo thứ tự tăng dần?

Câu 15: (1,5 điểm) Tìm số nguyên x, biết: a) $3x - 10 = 14$

b) $20 + 8.(x + 3) = 5^2 . 4$

Câu 16: (1,0 điểm) Một chiếc tàu ngầm đang ở độ cao $-47m$ so với mực nước biển. Sau đó tàu ngầm nổi lên $-18m$. Tính độ cao mới của tàu ngầm so với mặt nước biển?

Câu 17: (1 điểm) Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài 8m , chiều rộng 6m.

a) Tính diện tích nền nhà

b) Nếu lát nền nhà bằng những viên gạch hình vuông cạnh 40cm thì cần bao nhiêu viên gạch?

Câu 18: (1 Sao Hải Vương -218°C Sao Thiên Vương -224°C Sao Thổ -178°C chia hết Sao Thủy -184°C

\\ CUỐI I

Môn: TOÁN – Lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

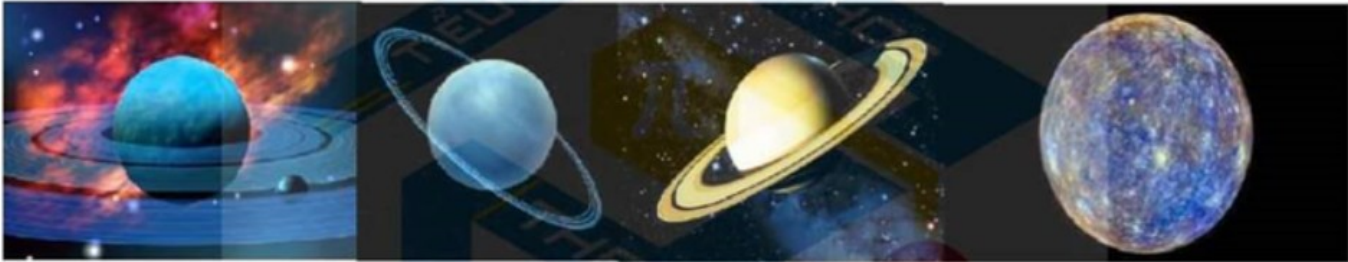
ĐÁP ÁN

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	B	D	C	B	D	B	B	A	A	B

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
13	Thực hiện phép tính: a) $(-23) + 15 + 23 + (-25)$ b) $5.3^2 - 7.2^3$ c) $2021 - [21 + (15 - 5)^2]$ d) $58.75 + 58.50 - 58.25$	
2 điểm	a) $(-23) + 15 + 23 + (-25)$ $= [(-23) + 23] + [15 + (-25)]$ $= 0 + (-10) = -10$	0,5

	b) $5.3^2 - 7.2^3 = 5.9 - 7.8 = 45 - 56 = -11$	0,5
	c) $2021 - [21 + (15 - 5)^2]$ $= 2021 - [21 + 10^2]$ $= 2021 - [21 + 100] = 2021 - 121 = 1900$	0,5
	d) $58.75 + 58.50 - 58.25$ $= 58.(75 + 50 - 25)$ $= 58.100$ $= 5800$	0,5
14	Cho nhiệt độ của các hành tinh trong hình vẽ sau:	
0,5 điểm	 <p style="text-align: center;"> Sao Hải Vương -218°C Sao Thiên Vương -224°C Sao Thổ -178°C Sao Thủy -184°C </p> <p>Sắp xếp nhiệt độ của các hành tinh theo thứ tự tăng dần? Nhiệt độ của các hành tinh theo thứ tự tăng dần là: $-224^{\circ}C < -218^{\circ}C < -184^{\circ}C < -178^{\circ}C$</p>	0,5

1 điểm	a) Diện tích hình chữ nhật là: $8.6=48 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
	b) Diện tích viên gạch hình vuông là: $0,4.0,4=0,16 \text{ (m}^2\text{)}$ Số gạch cần dùng là: $48:0,16=300 \text{ (viên)}$	0,5
18	Cho $A = 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^{119} + 7^{120}$. Chứng minh rằng A chia hết cho 57.	
1 điểm	$A = 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^{119} + 7^{120}$	
	$A = (7^1 + 7^2 + 7^3) + (7^4 + 7^5 + 7^6) + \dots + (7^{118} + 7^{119} + 7^{120})$	0,25
	$A = 7(1 + 7 + 7^2) + 7^4(1 + 7 + 7^2) + \dots + 7^{118}(1 + 7 + 7^2)$	0,25
	$A = 7.57 + 7^4.57 + \dots + 7^{118}.57$	0,25
	$A = 57(7 + 7^4 + \dots + 7^{118})$	0,25
	Vì $57 \div 57$ nên $57(7 + 7^4 + \dots + 7^{118}) \div 57$	
	Do đó A chia hết cho 57 (điều phải chứng minh)	

